TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST Ngày: 22-7-2022 V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Diệu Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô

Bà Lê Thị Kiều Thu.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Trần Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Phan T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Mai Phan T; vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Phan T trình bày:

Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay tại khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa ông T và bà L bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên cãi nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông T và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 02 con chung tên là Mai Hồng L, sinh ngày 10/8/1991 và Mai Thảo V, sinh ngày 19/6/2002. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng lao động nên ông Mai Phan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mai Phan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L thừa nhận quan hệ hôn nhân như ông Mai Phan T trình bày. Bà và ông Mai Phan T chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay tại khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhưng không có đăng ký kết hôn vì nhiều lần định làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng bị trục trặc về giấy tờ nên chưa đăng ký kết hôn được. Quá trình chung sống giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến giữa ông T và bà L thường xuyên cãi nhau, ông T còn đánh bà L. Hiện nay ông T đã dọn ra ngoài để chung sống với người phụ nữ đó. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà L đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 02 con chung tên là Mai Hồng L, sinh ngày 10/8/1991 và Mai Thảo V, sinh ngày 19/6/2002. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng lao động nên bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết với đại diện khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết và tại đơn trình bày của ông Mai Phan T ngày 24/5/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M N xác định: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay ở khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông T và bà L đã sống ly thân nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 7

Điều 3, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, ông Mai Phan T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông T và bà L là vợ chồng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng", bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có nơi cư trú tại: Khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ L.

[3]. Về nội dung vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Phan T trình bày: ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay tại khu phố 5, phường M N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhưng không có đăng ký kết hôn. Lời khai của ông T cũng được bà Nguyễn Thị Mỹ L thừa nhận. Việc ông T và bà L chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn cũng được Ủy ban nhân dân phường M N xác nhận tại đơn trình bày của ông T ngày 24/5/2022 như sau: "*Qua rà soát dữ liệu kết hôn trên hệ thống dữ liệu hộ tịch tại phường M N, không tìm thấy thông tin kết hôn của ông Mai Phan T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1971*".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*". Vì vậy, quan hệ giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình chung sống giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay giữa ông T và bà L xác định không còn tình cảm, các bên không còn chung sống với nhau. Nay ông Mai Phan T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L. Đối với yêu cầu của ông T thì bà L cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông Mai Phan T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

3.2. Về con chung: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 02 con chung tên là Mai Hồng L, sinh ngày 10/8/1991 và Mai Thảo V, sinh ngày 19/6/2002. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng lao động nên ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Phan T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Phan T và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về án phí: Ông Mai Phan T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009749 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông Mai Phan T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/7/2022). Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường M N, TP. Phan Thiết;
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Diệu Tuyết Trinh